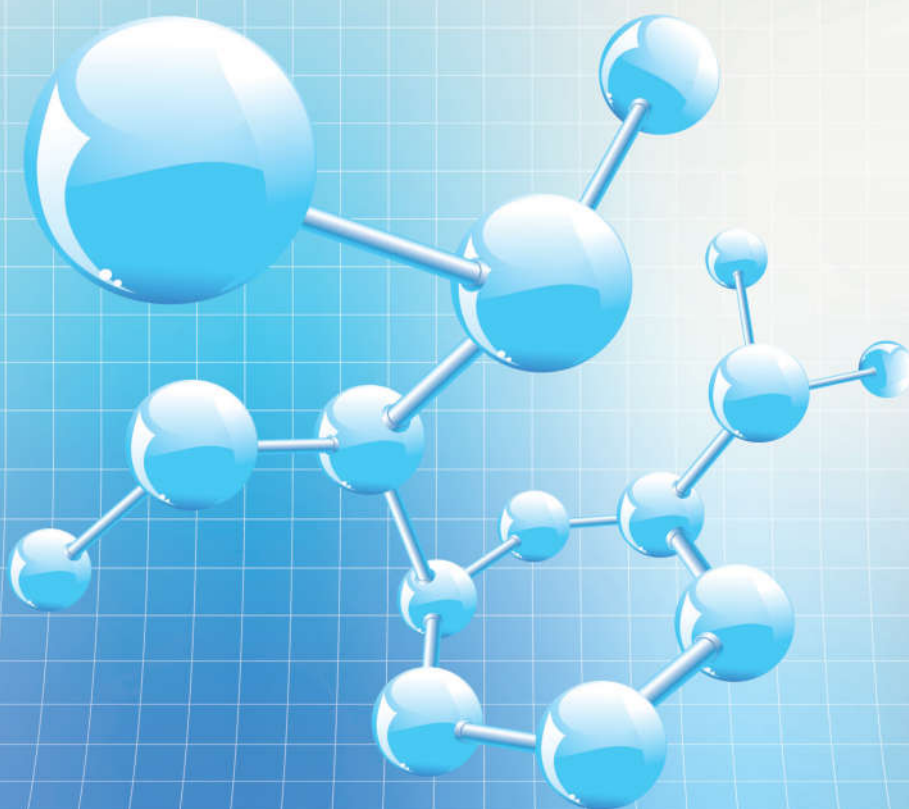




Tap chí NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đ A I H O C S A O ĐỎ
SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X



Số 4 (87)

2024

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đỉnh

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

■ **Thư ký Tòa soạn**

PGS.TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Văn Liễn

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Nguyễn Đức Toàn

PGS.TS. Lê Thu Quý

GS.TS. Lê Anh Tuấn

GS.TS. Đinh Văn Sơn

PGS.TS. Trương Thị Thủy

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Kháng

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

GS.TS. Yu Ming Zhang

GS.TS. Nguyễn Văn Anh

■ **Ban Biên tập**

TS. Vũ Văn Đông - Trưởng ban

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Phó Trưởng ban

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Assoc.Prof.Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Bành Tiến Long

Prof.Dr. Nguyen Duc Toan

Assoc.Prof.Dr. Le Thu Quy

Prof.Dr. Le Anh Tuan

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Trương Thị Thủy

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Thi Bat

Prof.Dr. Do Quang Khang

Assoc.Prof.Dr. Ngo Sy Luong

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Phạm Hoàng Hai

Assoc.Prof.Dr. Doan Ngoc Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Ha

Prof.Dr. Yu Ming Zhang

Prof.Dr. Nguyen Van Anh

■ **Editorial**

Dr. Vu Van Dong - Head

MSc. Doan Thi Thu Hang - Deputy Head

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- Mô hình học sâu cho phát hiện bệnh trên cây lúa ở Việt Nam sử dụng YOLOv10 5 Hàn Hồng Hạnh
Cấn Vũ Sơn Hà
Trần Văn Kiên
Đỗ Lê Trà My
Trịnh Công Đồng
Võ Đức Nhân
Ngô Phương Thủy
Bùi Đăng Thanh
- Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng hệ thống mạng cảm biến không dây để giám sát trạng thái hoạt động của máy bơm tại nhà máy chế biến khoáng sản ở Việt Nam 12 Phạm Văn Nam
Triệu Tuấn Anh
Vương Anh Đức
Đỗ Văn Đình
- Thiết kế hệ thống giám sát xâm nhập mặn ứng dụng công nghệ IoT 18 Nguyễn Thị Nhật Quỳnh
Phạm Minh Tiến
Nguyễn Trung Nam
Trần Ngọc Tạo
Nguyễn Văn Thái
Nguyễn Trọng Các
- Nghiên cứu tổng quan vật liệu silicon trong ngành thiết bị bán dẫn 25 Châu Thanh Phương

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- Sự thay đổi đặc tính khi thử nghiệm độ bền kéo trong mặt phẳng của vật liệu kép 30 Phạm Văn Trọng
Phùng Đức Hải Anh
Cao Huy Giáp
Đỗ Tiến Quyết
- Nghiên cứu tối ưu hóa cấu trúc chi tiết máy theo phương pháp thiết kế sinh học 36 Mạc Văn Giang
Tạ Hồng Phong
Mạc Thị Nguyên
Trịnh Văn Cường
- Mô phỏng ứng suất và biến dạng khi làm việc của sàng rung 44 Trần Văn Dũng
Ngô Hữu Mạnh
Trần Hải Đăng
Vũ Văn Tản
Mạc Văn Giang
- Nghiên cứu ảnh hưởng của một số nhân tố đến lực cắt và dao động khi phay thô thép SKD11 sử dụng mảnh cắt hình tròn 50 Nguyễn Thị Liễu

NGÀNH KINH TẾ

- Kiểm soát giá nhằm giảm tác động kép từ bão Yagi và dịp Tết Nguyên đán tại tỉnh Hải Dương 57 Ngô Thị Luyện
- Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng đối với sản phẩm bánh trung thu của khách hàng tại Hà Nội 63 Nguyễn Thị Ngọc Mai
Lê Thị Huyền
- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Hải Dương 69 Phạm Thị Hồng Hoa
Nguyễn Minh Tuấn
- Thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Hải Dương và triển vọng những năm tiếp theo 76 Lương Thị Hoa

NGÀNH TOÁN HỌC

- Sự không tồn tại nghiệm của một lớp hệ phương trình gradient elliptic suy biến 82 Nguyễn Thị Diệp Huyền

NGÀNH HÓA HỌC - THỰC PHẨM

- Ảnh hưởng của các chất keo Carboxymethyl xellulose, Xanthan gum, Alginate natri đến độ bền phân tán của nha đam (*Aloe vera*) trong nước giải khát sắn dây 86 Bùi Văn Tú

NGÀNH KHOA HỌC GIÁO DỤC

- Tăng cường đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động tại Việt Nam 93 Vũ Thị Thanh Thủy
- Phát triển du lịch gắn với phát triển văn hóa ở tỉnh Hải Dương 100 Trần Hoàng Yến
Đặng Thị Thanh

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

- Lý luận về hàng hóa sức lao động của C. Mác và giá trị trong phát triển thị trường lao động thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta 106 Vũ Văn Đông
- Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở Hải Dương hiện nay 113 Nguyễn Thị Kim Nguyên
- Quan điểm chỉ đạo của Đảng cộng sản Việt Nam về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 118 Phạm Văn Dự
- Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam 125 Trần Thị Hồng Nhung
Vũ Văn Đông

Lý luận về hàng hóa sức lao động của C. Mác và giá trị trong phát triển thị trường lao động thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta

The theory of labor power commodities by C. Marx and value in the development of the labor market during the 4.0 industrial revolution in our country.

Vũ Văn Đông

Tác giả liên hệ: duydongvu82@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 02/9/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 23/11/2024

Ngày chấp nhận đăng: 29/11/2024

Tóm tắt

Lý luận hàng hóa sức lao động của C.Mác đã luận giải sức lao động là một loại hàng hóa đặc biệt, là nguồn gốc giải quyết mâu thuẫn công thức chung của chủ nghĩa tư bản. Điều này có nghĩa là công nhận quyền tự do tìm việc làm của người lao động, đặc biệt trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 máy móc đã thay thế sức lao động của con người đang ngày càng phổ biến. Trong bài viết này từ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác, và các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam, bằng các phương pháp phân tích, tổng hợp,... tác giả làm rõ hơn về giá trị lý luận hàng hóa sức lao động của chủ nghĩa Mác đối với quá trình xây dựng, phát triển thị trường hàng hóa sức lao động trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0) ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Sức lao động; hàng hóa sức lao động; chủ nghĩa Mác; giá trị thời đại.

Abstract

The labor power commodity theory of C. Marx analyzes labor power as a special type of commodity, which is the source of resolving contradictions in the general formula of capitalism. This means recognizing the right of workers to seek employment, especially during the period of the Fourth Industrial Revolution, where machines are increasingly replacing human labor. In this article, based on the theoretical system of Marxism and the directives and resolutions of the Communist Party of Vietnam, through methods of analysis, synthesis, and so on... The author clarifies the theoretical value of the commodity of labor power in Marxism concerning the process of building and developing the labor market during the Fourth Industrial Revolution (Industry 4.0) in present-day Vietnam.

Keywords: Labor force; labor power goods; Marxism; value of the era.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhận thức được vai trò của thị trường hàng hóa sức lao động trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở nước ta, trong các Văn kiện Đại hội, Đảng luôn chủ trương thực hiện xây dựng, phát triển thị trường hàng hóa sức lao động một cách đồng bộ và hiệu quả.

Tuy vậy, hiện nay trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh hội

nhập quốc tế một cách mạnh mẽ và sâu rộng, sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học kỹ thuật đang dần thay thế sức lao động của con người thì việc tiếp tục nghiên cứu lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về thị trường hàng hóa sức lao động là rất cần thiết. Bởi quá trình phát triển thị trường hàng hóa sức lao động ở nước ta còn bộc lộ nhiều bất cập. Do đó, để phát triển thị trường hàng hóa sức lao động phù hợp với xu thế hội nhập thị trường quốc tế cần phải được lý giải về mặt lý luận để làm cơ sở cho việc chỉ đạo hoạt động thực tiễn trong quá trình phát triển đồng bộ các loại thị trường ở nước ta những năm tiếp theo. Từ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác, các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam, bằng các phương pháp phân tích, tổng hợp,... trong bài này tác giả làm

Người phản biện: 1. PGS.TS. Nguyễn Đức Chiện
2. TS. Phạm Văn Dự

rõ hơn về giá trị lý luận hàng hóa sức lao động của chủ nghĩa Mác đối với quá trình xây dựng, phát triển thị trường hàng hóa sức lao động trong thời kỳ Cách mạng 4.0 ở Việt Nam hiện nay.

2. LÝ LUẬN CỦA C. MÁC VỀ HÀNG HÓA SỨC LAO ĐỘNG

2.1. Điều kiện xuất hiện hàng hóa sức lao động

Theo C.Mác sức lao động được hiểu là: *“Năng lực lao động gồm toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong mọi cơ thể, trong mọi con người đang sống và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó”* [1, tr.251].

Theo C.Mác có hai điều kiện thuộc về bản thân người sở hữu sức lao động, tạo ra cho họ quyền tự định đoạt việc bán sức lao động của mình, cụ thể:

Điều kiện thứ nhất để sức lao động trở thành hàng hóa là người sở hữu sức lao động phải được tự do về thân thể, có quyền bán hoặc không bán, có quyền thỏa thuận điều kiện bán sức lao động của mình. C.Mác khẳng định: *“Anh ta và người chủ tiền gặp nhau trên thị trường và quan hệ với nhau với tư cách là những người chủ hàng hóa bình đẳng với nhau, chỉ khác nhau ở chỗ một người thì mua, còn người kia thì bán, và vì thế cả hai đều là người bình đẳng về mặt pháp lý”* [1, tr.251].

Điều kiện thứ hai người sở hữu sức lao động phải là người không có hoặc không đủ tư liệu sản xuất. Theo C.Mác nếu người lao động chỉ được tự do về thân thể không là chưa đủ, mà họ còn phải là người không có hoặc không đủ tư liệu sản xuất, hay nói cách khác là không có gì để đảm bảo cho nhu cầu sinh tồn của mình ngoài việc bán sức lao động. Nếu người có sức lao động được tự do về thân thể và có tư liệu sản xuất, họ sẽ tự sản xuất ra sản phẩm để mang đi bán chứ không bán sức lao động như C.Mác chỉ ra: *“Người chủ tiền phải tìm được người lao động tự do trên thị trường hàng hóa, tự do theo hai nghĩa: Theo nghĩa là một con người tự do, chi phối được sức lao động của mình với tư cách là một hàng hóa, với mặt khác anh ta không còn có một hàng hóa nào để bán, nói một cách khác là trần như nhộng, hoàn toàn không có những vật cần thiết để thực hiện sức lao động của mình”* [1, tr.253].

Ngoài hai điều kiện trên theo C.Mác còn có các điều kiện:

- Để sức lao động trở thành hàng hóa khi người lao động chỉ bán sức lao động của mình trong một thời gian nhất định. Thời gian đó được người mua và người bán thỏa thuận và được thể hiện trên hợp đồng để nhằm đảm bảo tính pháp lý của nó. C.Mác khẳng định: *“Người sở hữu sức lao động bao giờ cũng chỉ bán sức lao động đó trong một thời gian nhất định thôi, bởi vì anh ta bán đứt hẳn toàn bộ sức lao động ấy trong*

một lần thì anh ta bán cả bản thân anh ta và từ chỗ là một người tự do, anh ta sẽ trở thành một người nô lệ, từ chỗ là một người chủ hàng hóa, anh ta sẽ trở thành một hàng hóa. Với tư cách là một con người, anh ta phải thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với sức lao động của mình như là đối với vật sở hữu của mình và vì vậy như là đối với một hàng hóa của bản thân mình” [1, tr.251-252].

- Luôn tồn tại một bộ phận các nhà tư bản sẵn sàng mua sức lao động trên thị trường. Một loại hàng hóa đưa ra trên thị trường làm đối tượng cho quá trình trao đổi thì cần phải có chủ thể và khách thể của quá trình trao đổi. Chủ thể bán sức lao động là người công nhân, còn khách thể là nhà tư bản. Quá trình trao đổi giữa lao động sống với lao động vật hóa đã làm xuất hiện người lao động ở phía này và nhà tư bản ở phía kia. Người công nhân cần có tư liệu sinh hoạt để đảm bảo sự sinh tồn của mình nên bắt buộc phải bán sức lao động để thoả mãn điều đó.

Với những điều kiện trên, sức lao động trở thành hàng hóa được mua bán trên thị trường. Hai nhóm người rất khác nhau một bên là người có tiền, có tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt cần mua sức lao động để làm tăng thêm giá trị, còn bên kia là những người lao động tự do bán sức lao động của bản thân mình đã gặp và tiếp xúc với nhau.

2.2. Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động

Hàng hóa sức lao động là một hàng hóa được mua bán trên thị trường. Tuy nhiên, đây là hàng hóa có tính đặc biệt vì giá trị và giá trị sử dụng của nó:

* Về giá trị sức lao động:

Theo lý luận của C.Mác, giá trị sức lao động được quyết định bởi lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động. Nhưng sức lao động là khả năng lao động, nên số thời gian lao động cần thiết kết tinh trong nó chính là do giá trị của những tư liệu sinh hoạt mà người có sức lao động ấy đã tiêu dùng tạo thành, C.Mác viết: *“Giá trị của sức lao động là do giá trị của những tư liệu sinh hoạt cần thiết của một người lao động trung bình quyết định”* [1, tr.732].

C.Mác cho rằng sức lao động chỉ được sản xuất ra trong một con người đang sống. Vì vậy, việc sản xuất ra sức lao động chỉ có thể xảy ra khi có sự tồn tại của con người đó. Những tư liệu sinh hoạt mà người có sức lao động sử dụng hằng ngày cũng có một lượng giá trị nhất định và lượng giá trị đó quyết định giá trị của sức lao động. *“Giá trị của sức lao động được quy thành giá trị của một tổng số những tư liệu sinh hoạt nhất định. Vì vậy, giá trị ấy thay đổi cùng với sự thay đổi của giá trị các tư liệu sinh hoạt đó”* [1, tr.258].

Giá trị sức lao động còn phụ thuộc vào trình độ đào tạo của người lao động, do đó nó còn bao gồm cả chi phí học tập, đào tạo. Đó là những chi phí làm tăng giá trị sức lao động, giúp cho người lao động có ưu thế trên thị trường lao động.

Nhà tư bản nhận thấy tính chất đặc biệt của hàng hóa sức lao động, họ bỏ tiền ra mua nhằm thỏa mãn sự thèm khát của mình và duy trì quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN). *“Người chủ tiền của chúng ta phải có được điều may mắn là phát hiện được trong lĩnh vực lưu thông, tức là trên thị trường một thứ hàng hóa mà bản thân giá trị sử dụng của nó được cái đặc tính độc đáo là một nguồn sinh ra giá trị - một thứ hàng hóa mà khi tiêu dùng nó thật sự thì vật hóa được lao động, và do đó sẽ tạo được giá trị”* [1, tr.250-251].

** Về giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động:*

Theo C.Mác, giá trị sử dụng của sức lao động là tính có ích của sức lao động thỏa mãn nhu cầu sản xuất của nhà tư bản. Nhà tư bản cần có sức lao động của người công nhân kết hợp với tư liệu sản xuất của mình để tạo ra giá trị sử dụng của các hàng hóa. Chính vì vậy, tính có ích của sức lao động chỉ được thể hiện ra trong quá trình sản xuất. Người lao động bán sức lao động bằng cách lao động sản xuất theo yêu cầu của người mua. Người mua tiêu dùng sức lao động nhằm sử dụng tính có ích của sức lao động, C.Mác viết: *“Cái có ý nghĩa quyết định là giá trị sử dụng đặc biệt của thứ hàng hóa đó, là cái đặc tính của nó làm một nguồn sinh ra giá trị, hơn nữa lại sinh ra một giá trị lớn hơn giá trị của chính bản thân nó. Đó là sự phục vụ đặc biệt mà nhà tư bản mong chờ ở nó”* [1, tr.289-290] và tính có ích của sức lao động *“Chỉ thật sự được thực hiện, tức chỉ thật sự tạo ra một giá trị lớn hơn giá trị bản thân nó khi sức lao động phải hoạt động trong những điều kiện bình thường”* [1, tr.292-293], như vậy theo C.Mác gồm các điều kiện:

- Bảo đảm tính chất bình thường của những yếu tố vật chất của lao động như: Tư liệu lao động, nguyên nhiên vật liệu đạt trình độ phổ biến bình thường.
- Trình độ của người có sức lao động được sử dụng ở mức trung bình về mặt tài nghệ, về mặt thành thực và về tốc độ.
- Nguyên liệu và tư liệu lao động được tiêu dùng một cách hợp lý, không tính đến mức độ tiêu phí và không tham gia vào việc hình thành giá trị sản phẩm.

Trong sản xuất hàng hóa, sức lao động chính là lao động sống sẽ làm hồi sinh lao động quá khứ (lao động chết), để tạo ra một giá trị sử dụng mới. Việc kết hợp lao động sống với lao động quá khứ sẽ tạo ra một giá trị mới cao hơn tổng giá trị của sức lao động và tư liệu

sản xuất đã kết hợp, nguồn gốc phần tăng thêm đó là từ giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động được bảo tồn và chuyển vào giá trị hàng hóa mới. Giá trị của hàng hóa sức lao động đó được C.Mác gọi là phần tư bản khả biến (V). Nhà tư bản dùng V này để trả công cho người bán sức lao động. Do vậy, quá trình giá trị hàng hóa sức lao động chuyển hóa thành tiền công luôn ẩn dấu sau quá trình lao động, nên dễ tạo ra sự hiểu lầm tiền công là giá cả của lao động, nhưng sự thật tiền công là giá cả của sức lao động.

2.3. Sự chuyển hóa giá trị sức lao động thành tiền công

** Tiền công là giá cả sức lao động chứ không phải giá cả lao động*

Hàng hóa sức lao động có giá trị của nó, giá trị đó biểu hiện bằng tiền gọi là giá cả sức lao động, hay tiền công. Trong nền kinh tế hàng hóa, việc sức lao động trở thành hàng hóa tạo điều kiện cho giá trị sức lao động chuyển hóa thành tiền công. Vì vậy, bản chất của tiền công trong nền kinh tế hàng hóa không phải là giá cả của lao động như C.Mác viết: *“Tiền công là biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa sức lao động, là giá cả của hàng hóa sức lao động”* [2, tr.171].

Trong xã hội giá trị sức lao động được thể hiện thành tiền công và được làm hiểu rằng đó là *“Một số lượng tiền nhất định trả cho một số lượng lao động nhất định”* [1, tr.754]. C.Mác hoàn toàn bác bỏ luận điệu cho rằng tiền công là giá cả của lao động. Bởi vì, nếu cho rằng tiền công là giá cả của lao động thì lao động sẽ là hàng hóa, nếu là hàng hóa người công nhân sẽ không bán sức lao động mà là lao động để tồn tại.

** Bản chất của tiền công bị che dấu bởi quá trình lao động:*

Giá trị và giá cả sức lao động được biểu hiện ra bên ngoài thành tiền công. Nhưng nhìn bề ngoài thì tiền công biểu hiện giá cả của lao động. Vậy, giá trị sức lao động quyết định giá cả của lao động, giá cả của lao động chỉ là biểu hiện bất hợp lý của giá cả sức lao động.

Ngày công của người lao động làm thuê được chia làm hai phần gồm: Thời gian lao động tất yếu bù đắp giá trị sức lao động đã tiêu hao của người công nhân và thời gian lao động thặng dư mang lại giá trị thặng dư cho nhà tư bản. Nhưng tiền công lại không thể hiện rõ điều này. Với tư cách giá cả sức lao động tiền công chỉ phụ thuộc vào độ dài thời gian lao động tất yếu, nhưng nhà tư bản thuê công nhân làm việc trong suốt thời gian lao động và với cách nhìn tiền công là giá cả lao động thì tiền công lại không phụ thuộc vào giá trị sức lao động hay thời gian lao động trong một ngày. Vì vậy, C.Mác khẳng định: *“Tiền công đã xóa bỏ mọi vết tích phân chia ngày lao động ra thành lao động cần thiết và lao động thặng dư thành lao động được trả công”*

và lao động không công. Toàn bộ lao động thể hiện ra như là lao động được trả công” [1, tr.761]. Quan hệ tiền tệ đã che mất lao động không công của người công nhân làm thuê, bởi theo C.Mác: “Do bản chất của nó, tiền công đòi hỏi người lao động bao giờ cũng phải cung cấp một số lượng lao động không công nhất định” [1, tr.872].

Bản thân tiền công cũng có rất nhiều hình thức khác nhau, nhưng cơ bản có hình thức tiền công tính theo thời gian và tiền công tính theo sản phẩm.

Tiền công tính theo thời gian là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị sức lao động theo ngày, tuần,... Theo C. Mác: “Sức lao động bao giờ cũng được bán trong một kỳ nhất định. Vì vậy, cái hình thức chuyển hóa trong đó giá trị hằng ngày, hàng tuần... của sức lao động trực tiếp biểu hiện là hình thức tiền công tính theo thời gian” [1, tr.766].

Tiền công tính theo sản phẩm như C.Mác khẳng định có quan hệ chặt chẽ với tiền công tính theo thời gian. Bởi đây là hình thức chuẩn hóa của tiền công tính theo thời gian, theo C.Mác hình thức này làm cho người ta tin rằng “Giá cả của lao động không phải do phân số giữa giá trị hằng ngày của sức lao động và ngày lao động với một số giờ nhất định quyết định mà là do năng lực công tác của người sản xuất quyết định” [1, tr.777]

Tiền công là phạm trù phản ánh quan hệ giữa nhà tư bản và công nhân làm thuê. Vì vậy, tiền công là một trong những căn cứ quan trọng để nhà tư bản và công nhân làm thuê thỏa thuận với nhau trên thị trường sức lao động.

2.4. Thị trường sức lao động

Theo C.Mác, “Muốn cho người chủ tiền tìm được trên thị trường một sức lao động với tư cách là hàng hóa thì một số những điều kiện khác nhau phải được thực hiện” [1, tr.251]. Đó là:

- Người chủ sở hữu sức lao động là người có khả năng chi phối được sức lao động của mình.

- Người chủ sở hữu sức lao động không có tư liệu sản xuất, để tồn tại anh ta buộc phải đem bán sức lao động.

Theo C.Mác, thực chất mối quan hệ mua - bán hàng hóa sức lao động giữa nhà tư bản và công nhân là mua bán quyền sử dụng sức lao động trong một thời gian nhất định. Nơi diễn ra quan hệ mua bán sức lao động này gọi là thị trường sức lao động: “Như vậy, là để chuyển hóa tiền thành tư bản, người chủ tiền phải tìm được người lao động tự do ở trên thị trường hàng hóa... Tại sao người lao động tự do ấy lại đứng đối diện

với người chủ tiền trong lĩnh vực lưu thông, vấn đề ấy không làm bận tâm người chủ tiền là người đã tìm thấy thị trường lao động với tính cách là một chi nhánh đặc biệt của thị trường hàng hóa” [1, tr.253].

Thị trường sức lao động là nơi diễn ra quan hệ mua bán hàng hóa sức lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động, là nơi gặp gỡ giữa cung và cầu về hàng hóa sức lao động. Sự biến động cung - cầu về hàng hóa sức lao động luôn gắn bó chặt chẽ với chu kỳ phát triển công nghiệp, với quá trình hiện đại hóa nền kinh tế.

Trên thị trường sức lao động, trong điều kiện kết cấu của tư bản không thay đổi thì lượng cầu về hàng hóa sức lao động tăng lên cùng với quá trình tích lũy của tư bản. Khi quy mô tư bản tăng lên thì bộ phận cấu thành tư bản khả biến cũng tăng thêm. Do vậy, C. Mác viết: “Lượng cầu về lao động và quỹ sinh hoạt của công nhân sẽ tăng lên một cách tỷ lệ với tư bản và tư bản tăng lên càng nhanh bao nhiêu thì lượng cầu đó cũng càng tăng lên nhanh bấy nhiêu” [1, tr.864].

Trên thị trường sức lao động, chứa đựng quan hệ cạnh tranh giữa công nhân với công nhân và giữa công nhân với nhà tư bản. Như C.Mác khẳng định: “Khiến cho nhà tư bản có thể giảm giá cả sức lao động xuống, điều này giúp cho nhà tư bản có thể kéo dài thời gian lao động hơn nữa” [1, tr.774] và để giải quyết được sự cạnh tranh này C. Mác viết: “giai cấp tư sản đã cần đến quyền lực nhà nước để “điều hòa” tiền công, nghĩa là bắt buộc tiền công phải ở trong giới hạn thích hợp cho việc bòn rút giá trị thặng dư, để kéo dài ngày lao động và duy trì bản thân người công nhân ở một mức độ lệ thuộc bình thường vào tư bản” [1, tr.1026].

3. GIÁ TRỊ LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ HÀNG HÓA SỨC LAO ĐỘNG TRONG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

* Những cơ hội và thách thức trong phát triển thị trường lao động của Việt Nam trong bối cảnh mới

Trong bối cảnh hiện nay, quá trình đẩy mạnh hội nhập với sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 thị trường lao động của Việt Nam đang đứng trước cả những cơ hội và những thách thức nhất định, cụ thể:

- Những cơ hội:

Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, thông qua các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Các quy định về lao động nhằm tạo sự bình đẳng trên thị trường lao động toàn cầu, đây là cơ hội để Việt Nam tăng cường sự linh hoạt của thị trường lao động. Các quy định về lao động trong các

FTA thế hệ mới yêu cầu việc hình thành các thể chế hỗ trợ quan hệ lao động, thúc đẩy các công cụ đối thoại và thương lượng trên thị trường lao động, cho phép người lao động thành lập tổ chức đại diện mình để tạo thế cân bằng với người sử dụng lao động nhằm tiến hành đối thoại và thương lượng một cách thực sự giữa người sử dụng lao động và người lao động.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi Việt Nam cần sửa đổi Luật Lao động và các thể chế lao động cho phù hợp với Luật pháp quốc tế và phù hợp với những cam kết của FTA. Đây cũng là những cơ hội để Việt Nam hoàn thiện các thể chế về thị trường sức lao động, qua đó nhằm bảo vệ người lao động trước các hành vi phân biệt đối xử và không thiện chí của người sử dụng lao động trong đối thoại và thương lượng ở doanh nghiệp. Điều này cũng giúp thị trường lao động vận hành linh hoạt hơn và có khả năng “đàn hồi” tốt hơn trước các biến động của nền kinh tế.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội để các bên tự tương tác với nhau để xác lập các điều khoản lao động phù hợp với điều kiện riêng, cụ thể của từng bên và từng doanh nghiệp. Đồng thời Nhà nước cũng giảm dần vai trò can thiệp vào xác lập điều khoản lao động trên thị trường, Nhà nước sẽ đóng vai trò xúc tác và hỗ trợ để các bên tiếp nối đối thoại và thương lượng đi đến thỏa thuận đáp ứng mong muốn của các bên. Đây là cơ hội tốt cho sự phát triển thị trường lao động ở Việt Nam thời gian tới.

- Những thách thức:

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng có những khó khăn khi phải thay đổi thói quen từ phương pháp xác lập điều khoản lao động dựa trên chính sách của Nhà nước sang phương pháp đối thoại và thương lượng.

Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ cùng với nhận thức chưa đầy đủ của các bên quan hệ lao động, người lao động chưa có kinh nghiệm trong thực hành đối thoại và thương lượng sẽ là những yếu tố khiến cho sự vận hành của thị trường lao động không như mong muốn.

Sự thay đổi nhanh chóng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, với máy móc, robot và trí tuệ nhân tạo sẽ thay đổi gần như mọi ngành, nghề, trong mọi lĩnh vực. Nhiều lao động sẽ thất nghiệp nếu không được đào tạo kịp thời và đào tạo phù hợp, đi kèm với giải quyết việc làm.

* Giá trị lý luận của C.Mác:

Thứ nhất, lý luận hàng hóa sức lao động của C.Mác đã đảm bảo tính định hướng XHCN cho công cuộc đổi mới của đất nước ta:

Đảng ta luôn khẳng định hàng hóa sức lao động và thị trường sức lao động đã và đang tồn tại khách quan trong nền kinh tế nước ta, như Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: “*Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh*” [5, tr.37]. Chính vì vậy, việc vận dụng lý luận hàng hóa sức lao động đã bảo đảm tính định hướng XHCN và được biểu hiện rõ trong mục tiêu và cách thức vận dụng.

Mục tiêu vận dụng lý luận hàng hóa sức lao động nhằm góp phần huy động rộng rãi nguồn nhân lực và phát huy khả năng tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân của hàng hóa sức lao động phục vụ cho sự nghiệp xây dựng XHCN ở nước ta. Do vậy, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, người lao động phải bảo đảm có công ăn việc làm, quyền tự do tìm kiếm việc làm với mức lương tương xứng của người lao động và quyền tự do sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả của người sử dụng lao động. Nhà nước thông qua Luật lao động và hệ thống chính sách kinh tế - xã hội thừa nhận và bảo vệ quyền lợi của cả người lao động và người sử dụng lao động.

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam đang tồn tại ba hình thức sở hữu cơ bản về tư liệu sản xuất chủ yếu gồm: Sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân và về sức lao động có hình thức sở hữu cá nhân. Qua quyền sở hữu cá nhân về sức lao động, người lao động xác lập được quan hệ hợp đồng lao động với các chủ thể thuê mướn lao động. Từ các hình thức sở hữu, quan hệ hợp đồng ở nước ta được tiếp tục hoàn thiện.

Thứ hai, lý luận hàng hóa sức lao động của C.Mác đã khẳng định vai trò chủ thể của người lao động trong quá trình lao động sản xuất:

Vận dụng lý luận hàng hóa sức lao động của C.Mác vào phát triển thị trường lao động ở nước ta cần phải tạo điều kiện phát huy vai trò chủ thể của người lao động trong quá trình lao động sản xuất. Chỉ khi người lao động phát huy được vai trò chủ thể trong quá trình lao động sản xuất thì sự nghiệp xây dựng CNXH mới đạt được mục tiêu đề ra.

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, người lao động chỉ phát huy được vai trò chủ thể trong quá trình lao động sản xuất khi chế độ sở hữu cá nhân về sức lao động được Nhà nước bảo đảm thực hiện. Bảo đảm thực hiện chế độ sở hữu cá nhân về sức lao động và xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất với các hình thức sở hữu cơ bản là một đặc điểm nổi bật trong quá trình

xây dựng quan hệ sản xuất mới ở nước ta hiện nay.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chế độ sở hữu cá nhân về sức lao động được kết hợp với việc xây dựng và phát triển chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Do đó, Nhà nước bảo đảm quyền lao động của người lao động được thực hiện. Những người lao động có năng lực lao động đều có quyền và nghĩa vụ lao động.

Thứ ba, lý luận hàng hóa sức lao động của C.Mác đã góp phần đẩy mạnh quá trình công CNH, HĐH ở nước ta:

Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, việc đẩy mạnh CNH, HĐH được coi là tất yếu để biến một xã hội nông nghiệp lạc hậu thành một xã hội công nghiệp văn minh. Trong sự nghiệp đổi mới và thực hiện CNH, HĐH đất nước, quan niệm coi con người là “vừa là mục tiêu, vừa là động lực” của sự phát triển kinh tế - xã hội đã trở thành quan niệm phổ biến. Phát triển nguồn lực con người được coi là một bộ phận quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bởi vì, con người là động lực cơ bản của sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta hiện nay.

Quá trình CNH, HĐH ở nước ta cần những người lao động hiện đại, những người biết nắm bắt và sử dụng có hiệu quả những phương tiện công nghệ hiện đại. Đó cũng là những người có năng lực sáng tạo trong nghiên cứu khoa học công nghệ, trong quản lý điều hành kinh tế và trong hoạt động thương mại.

Để xây dựng lực lượng lao động hiện đại, Nhà nước ta đã và đang thực hiện cải cách giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH. Lực lượng lao động này ngày càng tăng lên thì khả năng cạnh tranh của hàng hóa sức lao động trên thị trường sức lao động cũng được nâng lên. Điều này cho thấy muốn nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa sức lao động thì phải dựa vào thành quả của CNH, HĐH.

Thứ tư, lý luận hàng hóa sức lao động của C.Mác đã thúc đẩy thị trường lao động ở nước ta phát triển phù hợp và đồng bộ:

Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nền kinh tế nước ta đang phát triển nhanh chóng về mặt lực lượng sản xuất. Đây là một sự biến đổi có tác động to lớn đối với sự phát triển của thị trường lao động của nước ta.

Sự phát triển của khoa học công nghệ đòi hỏi người lao động không chỉ được đào tạo mà họ phải tự đào tạo và phát triển để theo kịp yêu cầu của thị trường. Thông qua sự phát triển đồng bộ của thị trường sức

lao động, thị trường sức lao động trong nước đã hoà nhập vào thị trường thế giới. Nhờ mở rộng thị trường sức lao động trong nước và ngoài nước, người lao động có cơ hội hoàn thiện bản thân và tích lũy được kiến thức. Đồng thời, nhờ phát triển thị trường sức lao động, nước ta có thể thu hút lực lượng lao động chất lượng cao, chuyên gia nước ngoài vào tham gia vào các ngành công nghệ mới qua đó phát huy được sự kết hợp nội lực với ngoại lực phát triển.

Vận dụng lý luận hàng hóa sức lao động theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế và tiếp cận kinh tế tri thức, Nhà nước ta sẽ nâng cao được khả năng cạnh tranh của hàng hóa sức lao động và sẽ xây dựng được lực lượng lao động chất lượng cao. Nhờ đó, nước ta có thể tự tin bước vào giai đoạn phát triển nền công nghiệp hiện đại, góp phần xây dựng thành công CNXH.

3. KẾT LUẬN

Lý luận hàng hóa sức lao động có vị trí đặc biệt quan trọng trong học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin. Bằng phương pháp tổng hợp, phân tích làm rõ giá trị lý luận của C.Mác việc vận dụng lý luận về hàng hóa sức lao động vào thực tiễn phát triển thị trường sức lao động của nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH đã được Đảng ta vận dụng một cách khoa học, linh hoạt và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi khoa học công nghệ phát triển rất mạnh mẽ dưới sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, có cả những thuận lợi và những khó khăn nhất định, do đó việc nghiên cứu và vận dụng lý luận của C.Mác về hàng hóa sức lao động vào phát triển thị trường lao động trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đã được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, một mặt do thị trường hàng hóa sức lao động là một vấn đề phức tạp, trên phương diện lý luận, nhiều lĩnh vực vẫn chưa được làm sáng rõ. Mặt khác, thực tiễn quá trình hoàn thiện thị trường này ở nước ta vẫn còn có những hạn chế đã và đang đặt ra những vấn đề mới đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta cần phải nghiên cứu làm rõ hơn nữa, từ đó sẽ có sự vận dụng một cách đầy đủ và phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. C.Mác - Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 23, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2005), *Giáo trình kinh tế học chính trị Mác - Lênin* (tái bản), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [3]. PGS.TS. Vũ Hồng Tiến (2003), *Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam - lý luận và thực tiễn*, Chuyên đề kinh tế.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Ban tuyên giáo trung ương Đảng (2021), *tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

AUTHOR INFORMATION

Vu Van Dong

**Corresponding Author: duydongvu82@gmail.com*

Sao Do University.